

Số: 46/2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 20 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định:
số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022; số 37/2022/QĐ-UBND ngày
07 tháng 10 năm 2022; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông
nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa
đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên
và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
3375/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quy định ban hành kèm theo các Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9*

năm 2022, số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 và số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 35/2022/QĐ-UBND NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2022 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG, CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT; PHƯƠNG TIỆN, TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Quy định này quy định cụ thể khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 73 Luật Giá số 16/2023/QH15); điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15).”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm bố trí quỹ đất, quy hoạch vị trí, địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc bố trí thực hiện phù hợp với quy hoạch chung xã và điều kiện thực tế của địa phương; ưu tiên bố trí địa điểm đổ chất thải cùng khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 9 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả,...);”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Lộ trình phân loại CTRSH phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2029.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Túi, thùng màu xanh lá đựng chất thải thực phẩm;”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí quỹ đất trong khu xử lý CTRSH để lưu giữ, xử lý CTR công kênh. Quy định cụ thể vị trí, thời gian tập kết CTR công kênh để thu gom, xử lý tập trung định kỳ hàng tháng; công bố số điện thoại liên hệ và cách thức thu gom để Nhân dân biết, thực hiện.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thực hiện theo giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan,

tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đơn giá để lập dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thực hiện theo giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giá, đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thu, lập dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH để ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 21 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Chủ trì thẩm định phương án giá đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định nội dung về vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn trong quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng khu xử lý, điểm tập kết, xử lý CTR theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng các điểm, khu xử lý CTR đảm bảo phù hợp với khối lượng được thu gom, phân loại và tình hình thực tế; hướng dẫn danh mục chất thải xây dựng.

d) Kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;

đ) Tổng hợp tuyến đường vận chuyển CTRSH trên địa bàn các xã, phường để quản lý;

e) Giám sát các phương tiện vận chuyển CTRCNTT phải xử lý, CTNH theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý CTR trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thu, chi, quản lý nguồn kinh phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; tổ chức kiểm tra việc thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý CTR.”.

c) Chủ trì xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động đầu tư xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý CTR theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ưu tiên cân đối, ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý CTR đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý, xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư để giải phóng mặt bằng và các hạ tầng thiết yếu khác đến chân hàng rào theo quy định cho các dự án xây dựng nhà máy xử lý CTR, khu xử lý chất thải tập trung, xây dựng các điểm tập kết CTR;

đ) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xử lý CTR theo quy định;

e) Hướng dẫn tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các khu, địa điểm du lịch, các cửa ngõ ra vào tỉnh, trung tâm các xã;

b) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi ni lông tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng.

c) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp và Chương trình hành động số 8547/CTr-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền,

phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 13 như sau:

“13. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và *công an cấp xã* tăng cường công tác phòng, chống tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;”.

6. Sửa đổi tên khoản 16 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 16 như sau:

“16. Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu

b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động bảo vệ môi trường, quản lý CTR trên địa bàn; cập nhật, đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương trong và ngoài tỉnh điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu;”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác bảo vệ môi trường; thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh môi trường trên địa bàn. Định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, phân loại, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh của xã, phường với tần suất tối thiểu là 2 lần/tuần; thực hiện tuyên truyền theo từng điểm sinh hoạt cộng đồng như trung tâm văn hóa xã, các nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố, trong đó có quy định cụ thể về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, quản lý chất thải rắn theo quy định; hình thức xử lý đối với các trường hợp không chấp hành;

d) Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; chịu trách nhiệm về chất lượng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trên địa bàn;

đ) Triển khai thí điểm mỗi xã tối thiểu 01 mô hình điểm về cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường, thu gom rác thải và vệ sinh môi trường, triển khai nhân rộng trên địa bàn trong các năm tiếp theo;

e) Tổ chức xác định lộ trình, tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết đến điểm xử lý trên địa bàn, bảo đảm phù hợp

với điều kiện thực tế của địa phương, tối ưu về cự ly vận chuyển, tình hình giao thông tại khu vực và theo quy định;

g) Lựa chọn địa điểm quy hoạch các khu xử lý chất thải tập trung. Bố trí quỹ đất, vị trí đổ chất thải từ hoạt động xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy; xác định, công bố vị trí các điểm tập kết CTRSH, chất thải rắn công kênh; công bố các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân để thu gom, phân loại đảm bảo theo Quy định này;

h) Triển khai các dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng đất đối với các bãi chôn lấp rác thải sau khi đóng cửa;

i) Chủ động bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý CTR trên địa bàn;

k) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát giá, chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; xử lý vi phạm theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý; phát hiện kịp thời các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm, đổ CTR không đúng nơi quy định. Trực tiếp xem xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết. Xử lý vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng trong lĩnh vực quản lý CTRSH theo thẩm quyền và phản ánh kịp thời cho cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định;

l) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở xử lý CTR quy mô liên xã hoặc có lò đốt chất thải rắn theo cụm tạo điều kiện hỗ trợ xử lý CTR cho các địa phương khác, có văn bản thống nhất để các địa phương khác vận chuyển CTR đến cơ sở xử lý trên địa bàn để xử lý; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn;

m) Chỉ đạo các khu dân cư, tổ dân phố, làng, bản, cộng đồng dân cư tham gia giữ gìn vệ sinh đường phố, nơi công cộng và hệ thống kênh mương, ao, hồ, sông, suối trên địa bàn, thực hiện quy định về quản lý CTR và đăng ký thực hiện quy ước, hương ước, cam kết giữ gìn vệ sinh;

n) Thực hiện thống kê dữ liệu về các hộ gia đình, chủ nguồn thải và chủ thu gom, vận chuyển CTRSH cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn trên địa bàn;

o) Chủ trì, phối hợp với các chủ thu gom, vận chuyển CTRSH xác định, thông báo thời gian, phương thức chuyển giao CTRSH tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao CTR tại các điểm tập kết phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn phù hợp yêu cầu thực tiễn của địa phương;

p) Khen thưởng các trường hợp cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc đề xuất, góp ý các vấn đề liên quan đến CTR nhằm góp phần bảo vệ môi trường;

q) Định kỳ trước ngày 31 tháng 01 của năm sau báo cáo kết quả triển khai

thực hiện quản lý CTR trên địa bàn trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

Điều 8. Thay thế một số từ, cụm từ; bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản sau đây:

1. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại điểm b khoản 1 Điều 10; điểm b khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 21.
2. Thay thế cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 3 Điều 11; điểm c khoản 2 Điều 18; điểm m khoản 1 Điều 19; tên khoản 1 và điểm g khoản 1 Điều 21; Điều 23.
3. Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại điểm a khoản 3 Điều 11; thay thế cụm từ “Cục Thuế tỉnh” bằng cụm từ “Thuế tỉnh Lai Châu” tại khoản 14 Điều 21.
4. Bãi bỏ cụm từ “UBND cấp huyện” tại điểm i khoản 1 Điều 18; cụm từ “cấp huyện” tại điểm h khoản 1 Điều 19.
5. Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 2 Điều 18; điểm h và điểm m khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 22.
6. Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại điểm đ khoản 1 Điều 21.
7. Bãi bỏ khoản 4 Điều 12; điểm e khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 6, khoản 11, điểm a khoản 14, khoản 18 Điều 21.”

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/2022/QĐ-UBND NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

- a) Quy định này quy định một số nội dung về quản lý thu gom, xử lý nước thải; lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu;
- b) Quy định này không áp dụng đối với khu đô thị, khu dân cư tập trung hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải;
- c) Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quản lý nước thải

Quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10

tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới phải được bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đảm bảo quy định tại Điều 57 và khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải như sau:

a) Đến năm 2030 bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho khu dân cư tập trung của 09 xã, gồm: Bản Bo, Bình Lư, Phong Thổ, Mường Kim, Khoen On, Mường Than, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa;

b) Đối với phường Đoàn Kết, phường Tân Phong và xã Than Uyên, căn cứ vào hiện trạng để đề xuất mở rộng quy mô, nâng công suất của hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung hiện có; lộ trình thực hiện đến năm 2030;

c) Đến năm 2035, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho 50% khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh (trừ khu dân cư tập trung được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này);

d) Đến năm 2045, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho 100% đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung; nước thải sau xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của chủ đầu tư xây dựng hoặc đơn vị quản lý hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trước khi đưa nước thải vào công trình, thiết bị xử lý nước thải;
- b) Lựa chọn, xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với địa điểm xây dựng, lắp đặt và quy mô công suất, đảm bảo đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ và các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công suất của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa.
- c) Có các giải pháp thu gom, phân loại, xử lý hoặc chuyển giao bùn thải phát sinh từ công trình, thiết bị xử lý.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

1. Sửa đổi tên khoản 1 và bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- e) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ và vị trí xả thải để thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;”.

2. Bổ sung điểm i, k vào sau điểm h khoản 2 như sau:

“i) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành;

k) Thẩm định phương án giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước).”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm c, d, đ vào sau điểm b khoản 3 như sau:

“b) Bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về lộ trình và chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15);

d) Làm đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Các sở, ban, ngành liên quan

Các sở, ban, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, khu dân cư không tập trung.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý nhà nước về nước thải sinh hoạt theo phân cấp quản lý và thực hiện các nhiệm vụ được giao, ủy quyền trên địa bàn.

2. Triển khai thực hiện lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung quy định tại Điều 5 Quy định này trên địa bàn.

3. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này.

4. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thu gom, thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn.

5. Phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thu gom, xử lý, thoát nước trên địa bàn.

6. Đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.

7. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

8. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý theo nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.”.

Điều 18. Thay thế một số cụm từ; bãi bỏ một số điều, khoản, điểm sau đây:

1. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 9 Điều 12; Điều 17.
2. Thay thế các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện”; “Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 9 Điều 12.
3. Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại điểm g khoản 2 Điều 12.
4. Bãi bỏ điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 12, Điều 13.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 38/2022/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường
 - a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;
 - b) Công khai thông tin về các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan;
 - c) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;
 - d) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm có tích hợp báo cáo kết quả công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.”
2. Sở Y tế
 - a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo đúng quy định;
 - b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại của các cơ sở y tế; nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Công khai thông tin về các cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan; chỉ đạo các cơ sở y tế xây dựng, bố trí kinh phí và triển khai thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí xử lý chất thải rắn y tế cho các cơ sở y tế theo lộ trình cụ thể và mức độ tự chủ tài chính của từng đơn vị, bảo đảm theo quy định.

4. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm trong việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế trong việc quản lý nhà nước về chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn theo quy định. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, xử lý, giải quyết công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn.”.

6. Trách nhiệm của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện quản lý chất thải rắn y tế theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Phân công lãnh đạo cơ sở y tế phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; bố trí cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; giao nhiệm vụ khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hoặc khoa, phòng, bộ phận phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế, bố trí người của cơ sở y tế hoặc phối hợp với đơn vị bên ngoài để thực hiện vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ (đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải);

c) Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của cơ sở y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải rắn y tế;

d) Thực hiện việc xác định các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế;

đ) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (trong đó bao

gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải rắn y tế gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng);

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải rắn y tế;

g) Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế;

h) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế;

i) Các cơ sở y tế chưa có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đã ký hợp đồng xử lý chất thải y tế với các cơ sở có chức năng xử lý trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của hợp đồng.”.

Điều 20. Thay thế cụm từ và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Thay thế cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 7, Điều 9.

2. Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu bằng Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 21;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (công khai);
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, Kt1, CB;
- Lưu: VT, Kt7.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục
CỤM XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/2026/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Lò đốt	70 - 100 kg/giờ	2015	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở hành nghề y tư nhân, các Trạm Y tế trên địa bàn các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
2	Bệnh viện đa khoa Than Uyên	Lò hấp	35 kg/giờ	2019	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Than Uyên, Mường Than, Mường Kim, Khoen On.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
		Lò đốt	30 – 50 kg/giờ	2012			
3	Bệnh viện đa khoa Tân Uyên	Lò đốt	25 kg/giờ	2014	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị; Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Tân Uyên, Pắc Ta, Nậm Sỏ, Mường Khoa.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
4	Bệnh viện đa khoa Tam Đường	Lò đốt	50 kg/giờ	2022	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Bản Bo, Bình Lự, Tả Lèng, Khun Há.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển

STT	Tên cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
5	Bệnh viện đa khoa Phong Thổ	Lò đốt	25 kg/giờ	2009	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Đào San, Sì Lở Lầu, Không Lào.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
6	Bệnh viện đa khoa Sìn Hồ	Lò đốt	25 kg/giờ	2013	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Sìn Hồ, Tủa Sín Chải, Hồng Thu, Lê Lợi, Pa Tần	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
7	Bệnh viện đa khoa Mường Tè	Lò đốt	25 kg/giờ	2014	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Tà Tổng, Mù Cá.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển
8	Bệnh viện đa khoa Pa Há	Lò đốt	25 kg/giờ	2017	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị và Trạm Y tế các xã: Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Mạ, Nậm Cuối.	Cơ sở y tế tự vận chuyển bằng phương tiện đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng đảm bảo theo quy định để vận chuyển